



## **GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VÀ CÔNG ƯỚC LUẬT BIỂN: CÁC VẤN ĐỀ VỀ TÌNH TRẠNG PHÂN TÁN VÀ THẨM QUYỀN**

**Nguồn:** Alan E. Boyle\* (1997), "Dispute Settlement and the Law of the Sea Convention: Problems of Fragmentation and Jurisdiction", *International and Comparative Law Quarterly*, Vol. 46, No. 1, pp 37-54.

**Biên dịch & Hiệu đính:** Đinh Ngân Hà

### **1. Giới thiệu**

Công ước Liên Hợp Quốc về Luật biển 1982 ("UNCLOS") có hiệu lực từ ngày 16 tháng 11 năm 1994 có thể được xem là một bước phát triển quan trọng nhất trong việc giải quyết các tranh chấp quốc tế kể từ khi Hiến chương Liên Hợp Quốc (LHQ) và Quy chế Tòa án Công lý Quốc tế được thông qua. Công ước không chỉ thiết lập nên một tòa án quốc tế mới, Tòa án Luật biển Quốc tế ("ITLOS"), mà còn xác lập các thủ tục giải quyết tranh chấp bắt buộc liên quan đến các Quốc gia, Cơ quan Quyền lực đáy đại dương ("ISBA"), các đối tác hợp đồng khai khoáng ở đáy đại dương, và có thể cả nhiều bên khác. Việc thực hiện Công ước đã tạo ra một loạt các tranh chấp mới giữa các Quốc gia, chưa kể đến các vụ việc đang được Tòa án Quốc tế thụ lý. Việc thiết lập Tòa ITLOS không chỉ mở ra khả năng mới cho việc giải quyết các tranh chấp này mà còn có tác động đến vai trò tương lai của Tòa án Quốc tế và các tòa trọng tài tạm thời (*ad hoc*) trong lĩnh vực luật biển và luật pháp quốc tế nói chung. Tòa ITLOS được thiết lập sẽ góp phần vào việc phổ biến hơn nữa các cơ quan tài phán quốc tế và cũng là nguy cơ làm gia tăng tình trạng phân

---

\* Giáo sư Công pháp quốc tế, Đại học Edinburgh. Đây là bài viết đã được chỉnh lý, bổ sung từ bài viết cho Hội thảo thường niên ILA Anh quốc tại Edinburgh năm 1996. Tôi cảm ơn Ngài Thẩm phán Dolliver Nelson đã có những nhận xét hữu ích, tuy nhiên, mọi quan điểm nêu ra trong bài viết đều là của cá nhân tôi.

tán của các quy định luật thực chất và thủ tục hiện có để giải quyết tranh chấp. Thẩm phán Oda và Guillaume lập luận rằng Tòa ITLOS là một thiết chế vô nghĩa, và rằng các nhà đàm phán UNCLOS đã sai lầm khi tước bỏ vai trò trung tâm của Tòa án Quốc tế trong việc giải quyết các tranh chấp về biển và việc thiết lập một tòa án chuyên biệt có thể phá huỷ sự thống nhất của luật pháp quốc tế.<sup>1</sup> Hai thẩm phán cho rằng luật biển là một ngành luật quan trọng trong luật pháp quốc tế và bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc áp dụng và giải thích ngành luật này nên được xem như thuộc phạm vi giải quyết của Tòa án Quốc tế. Mặc dù hai thẩm phán đồng ý rằng các thiết chế chuyên biệt hơn có thể thích hợp hơn cho một số loại tranh chấp, ví dụ như các tranh chấp về chuyên môn kỹ thuật hay việc áp dụng nguyên tắc công bằng, quan điểm cốt lõi của hai thẩm phán cho rằng chỉ nên có một cơ quan tài phán duy nhất – Tòa án Quốc tế - thực hiện trọng trách phát triển một cách thống nhất một hệ thống luật pháp quốc tế duy nhất. Mục đích của bài viết này nhằm xem xét mức độ hợp lý của những quan ngại đối với tình trạng phân tán trên, và xét một cách thực tế hơn, việc UNCLOS 1982 thiết lập một hệ thống mới và khá phức tạp sẽ ảnh hưởng như thế nào đến việc tổ tụng các tranh chấp luật biển, và vai trò nào mà một tòa ITLOS mới có thể đảm nhận.

## 2. Cơ chế giải quyết tranh chấp của UNCLOS

### A. Vai trò của cơ chế giải quyết tranh chấp bắt buộc trong UNCLOS

Việc nhấn mạnh các thủ tục giải quyết tranh chấp trong UNCLOS 1982 – và cụ thể là tập trung vào các thủ tục bắt buộc có tính ràng buộc – phản ánh ba mục tiêu trọng tâm của các nhà đàm phán khi thông qua cơ chế này.<sup>2</sup> Ba mục tiêu này sẽ được trình bày rõ sau đây.

Thứ nhất, Công ước được dự kiến là một bộ quy tắc toàn diện về luật biển xét một cách tổng thể, bao quát mọi vấn đề liên quan trong một văn bản duy nhất. Thứ hai, Công ước được dự kiến sẽ có tính chất phổ quát, một bộ quy tắc có thể nhận được sự ủng hộ rộng rãi nhất có thể từ phía các Quốc gia và có thể, ở mức độ lớn nhất, thể hiện một sự đồng thuận quan điểm. Thứ ba, Công ước được dự kiến

<sup>1</sup> S. Oda, "The ICJ Viewed from Bench" (1993) 244-II Hag.Rec. 127-155, và "Dispute Settlement Prospects in the Law of the Sea" (1995) 44 I.C.L.Q. 863; G. Guillaume, "The Future of International Judicial Institutions" (1995) 44 I.C.L.Q. 848. Xem thêm E. Lauterpacht, *Aspects of the Administration of International Justice* (1991), tr. 20-22.

<sup>2</sup> Xem UNGA Res.2750 XXV (1970) và 3067 XXVIII (1973); Final Act, Hội nghị Luật biển lần thứ 3 (1982); B. de Zulueta, Đại diện đặc biệt của Tổng thư ký LHQ trong UN, *Official Text of the UN Convention on the Law of the Sea*, Introduction; H. Caminos và M. Molitor, "Progressive Development of International Law and the Package Deal" (1985) 79 A.J.I.L 871; B. Buzan, "Negotiation by Consensus" (1981) 75 A.J.I.L. 324.

là một văn bản thống nhất, một “thỏa thuận trọn gói”, chỉ có thể được phê chuẩn toàn bộ, và không có bất cứ bảo lưu nào. Do Công ước là một thỏa thuận với rất nhiều điểm đã từng gây tranh cãi, nhiều điểm mới và nhiều điểm còn chưa được giải quyết, nó rõ ràng thể hiện một sự cân bằng lợi ích phức tạp và ghi nhận nhiều điều khoản mơ hồ hay không chắc chắn về mặt bản chất. Trong bối cảnh đó cơ chế giải quyết tranh chấp bắt buộc có tính ràng buộc đóng vai trò gắn kết toàn bộ cấu trúc Công ước và bảo đảm Công ước tiếp tục nhận được sự ủng hộ và chấp nhận của tất cả các thành viên. Nếu không có quy chế này Công ước tất yếu sẽ bị giải thích và áp dụng khác nhau giữa các quốc gia khác nhau, thậm chí cả khi các quốc gia hoàn toàn thiện chí. Như Ngài Ian Sinclair đã giải thích: “Điều quan trọng – và thực chất là trọng yếu – là luôn cần có sự tồn tại mặc nhiên của các thủ tục giải quyết tranh chấp trong bối cảnh để kiểm tra tính hợp lý của các yêu sách.”<sup>3</sup> Do đó các mục tiêu chính của các điều khoản Công ước về giải quyết tranh chấp nhằm quy định các cơ chế có thẩm quyền quyết định các vấn đề liên quan đến “giải thích hay áp dụng” điều ước, nhằm đảm bảo sự toàn vẹn của văn bản, và nhằm kiểm soát việc thực thi và phát triển của các Quốc gia thành viên.<sup>4</sup> Từ quan điểm này cơ chế giải quyết tranh chấp bắt buộc được thiết kế nhằm ngăn chặn sự phân tán của luật biển.

Một mục đích khác, và là một trong những lý do chính của việc thiết lập riêng một Viện Giải quyết Tranh chấp liên quan đến đáy biển, là nhằm bảo đảm rằng sẽ luôn tồn tại một diễn đàn có thể giải quyết các vụ việc liên quan đến cả quốc gia và các chủ thể khác.<sup>5</sup> Các quyền hạn và trách nhiệm được giao cho Cơ quan Quyền lực Đáy đại dương đặt ra yêu cầu rằng cơ quan này nên có quyền khởi kiện các Quốc gia để yêu cầu thực thi một số các quy định nhất định của điều ước và có thể bị các Quốc gia hay các đối tác tư nhân khai thác vùng đáy khởi kiện nếu cơ quan này sử dụng sai hoặc vượt quá quyền hạn được giao. Do đó Viện Giải quyết Tranh chấp liên quan đến đáy biển là một cơ quan độc nhất trong số các cơ quan tài phán quốc tế, về mặt các loại chủ thể tham gia tranh chấp mà nó thực thi

---

<sup>3</sup> I. Sinclair, *The Vienna Convention on the Law of Treaties* (2<sup>nd</sup> edn, 1984), tr. 235.

<sup>4</sup> Xem trong L. Sohn, “Settlement of Disputes Relating to the Interpretation and Application of Treaties” (1976) 150-II Hag.Rec. 195, và “Settlement of Disputes Arising out of the Law of the Sea Convention” (1975) 12 San Diego L.R. 495, 516; B. Oxman, trong A. Soons (Ed.), *Implementation of the Law of the Sea Convention through International Institutions* (1989), tr. 648; A. O. Adede, *The System for Settlement of Disputes under the UN Convention on the Law of the Sea* (1987), tr. 241; C. Chinkin, “Disputes Regulation and the Law of the Sea”, in trong J. Crawford và D. Rothwell (Eds.), *The Law of the Sea in the Asian Pacific Region* (1995), tr. 237; J. Merrills, *International Dispute Settlement* (2<sup>nd</sup> edn, 1991), chương 11; A. E. Boyle, “Settlement of Disputes Relating to the Law of the Sea and the Environment” 1996 *Thesaurus Acrosaurium* (săp xuất bản).

<sup>5</sup> Adede, *idem*, chương 9; L. Sohn, “Settlement of Law of the Sea Disputes” (1995) 10 *Int.J.Marine and Coastal L.* 205.

thẩm quyền bắt buộc. Tuy vậy, Tòa ITLOS cũng có thẩm quyền rộng rãi hơn về chủ thể tranh chấp (*ratione personae*) so với Tòa án Quốc tế. Mặc dù trong các vụ việc bắt buộc thẩm quyền của toà bị hạn chế chỉ xét xử các tranh chấp giữa các quốc gia, thẩm quyền theo thỏa thuận chung của Tòa ITLOS có thể được mở rộng đến các chủ thể khác bao gồm tổ chức quốc tế và thậm chí các tổ chức phi chính phủ.<sup>6</sup> Do đó, nhìn chung với việc mở rộng các loại chủ thể có thể tiến hành tố tụng quốc tế Công ước có thể được xem như đang tìm cách để tránh tình trạng phân tán của các tranh chấp và thúc đẩy sự toàn vẹn, thống nhất và toàn diện.

Tuy nhiên nếu xem xét kỹ càng hơn các khía cạnh khác của cơ chế trong Công ước có thể thấy rằng theo nhiều cách khác nhau tình trạng phân tán là một phần của cái giá phải trả cho việc bảo đảm sự đồng thuận về một cơ chế giải quyết tranh chấp bắt buộc có tính ràng buộc. Do đó cái mà chúng ta đối mặt không chỉ là vấn đề lý thuyết về sự thống nhất của luật pháp quốc tế mà còn là một vấn đề vô cùng thực tế về việc xử lý các tranh chấp phức tạp trong một cấu trúc, mà như chúng ta đã thấy, dự kiến trước sự gia tăng đáng kể của việc sử dụng cơ chế giải quyết bắt buộc. Các vấn đề này phát sinh từ hai đặc điểm chính định hình nên Phần XV của Công ước: cách tiếp cận "tùy chọn" về các cơ quan giải quyết tranh chấp, và cách tiếp cận "theo lát cắt" về các vấn đề pháp lý, yêu cầu một sự phân loại đôi khi tùy tiện về các loại tranh chấp khác nhau, với kết quả khác nhau đối với hình thức giải quyết tranh chấp và khả năng về thẩm quyền giải quyết tranh chấp bắt buộc.

### ***B. Cách tiếp cận "tùy chọn"***

Vấn đề quan trọng ở đây là một loạt các cơ quan tài phán giải quyết tranh chấp bắt buộc theo Công ước. Trong suốt quá trình đàm phán, những bất đồng về vấn đề thủ tục nào là thích hợp và phù hợp nhất dẫn đến hệ quả là không một diễn đàn nào được trao thẩm quyền bắt buộc chung.<sup>7</sup> Khi các nước Xô-viết tiếp tục phản đối mọi hình thức giải quyết tài phán nhưng sẽ chấp nhận hình thức trọng tài. Nhiều quốc gia đang phát triển, và một số các nước phương tây như Pháp, không chấp nhận Tòa án Quốc tế, nhưng một số nước sẽ chấp thuận một tòa án chuyên biệt về luật biển được cơ cấu theo một cách khác, kết quả sau này chính là Tòa ITLOS. Sự phản đối đối với Tòa án Quốc tế đồng nghĩa với việc tòa này không thể là cơ quan duy nhất hay thậm chí là cơ quan chính yếu để giải quyết các tranh chấp luật biển, giống như vai trò của toà như theo quy định của Nghị định thư tùy chọn

<sup>6</sup> Xem Phần III.

<sup>7</sup> Adede, op. cit. supra, tr. 242 et seq., và "Settlement of Disputes Araising Under the Law of the Sea Convention" (1975) 69 A.J.I.L. 798.

của các Công ước Geneva 1958. Các Quốc gia khác, mặc dù về nguyên tắc không phản đối bất kỳ thủ tục cụ thể nào, cũng không tin tưởng rằng các tranh chấp với tính chất và loại hình khác xa nhau lại có thể được giải quyết thỏa đáng bởi duy nhất một cơ quan giải quyết tranh chấp.

Giải pháp cho vấn đề này, được ghi nhận trong văn bản được gọi là “công thức Montreux”, cho phép một sự linh hoạt trong việc lựa chọn một hoặc nhiều thủ tục khác nhau để giải quyết tranh chấp bắt buộc theo Phần XV.<sup>8</sup> Bốn thủ tục theo cách tiếp cận “tùy chọn” này bao gồm:

- (1) Tòa án Luật biển Quốc tế;
- (2) Tòa án Công lý quốc tế;
- (3) Trọng tài;
- (4) Trọng tài đặc biệt.

Các Quốc gia có thể đưa ra tuyên bố nêu rõ thủ tục bắt buộc nào mà mình ưu tiên lựa chọn tại bất kỳ thời điểm nào và tuyên bố này có thể được hủy bỏ hay sửa đổi sau khi thông báo trước ba tháng. Nếu quốc gia không đưa ra tuyên bố, đây là tình trạng chung của hầu hết các thành viên Công ước cho đến thời điểm này, hoặc nếu các bên tranh chấp có sự lựa chọn khác nhau, trọng tài sẽ là thủ tục được mặc định, trừ khi các bên có thỏa thuận khác.<sup>9</sup> Để mô tả hệ thống này một cách đơn giản hơn, trọng tài là thủ tục bắt buộc trừ khi các bên tranh chấp đã đồng thuận trước đó hoặc đồng ý một cách tạm thời giải quyết tranh chấp theo một cách khác.

Các phân tích này minh chứng tình trạng phân tán trên thực tế hay tiềm ẩn ở hai ý nghĩa: không có một diễn đàn duy nhất nào cho các tranh chấp phát sinh từ Công ước và cũng không có một cơ chế nào đảm bảo sự thống nhất về mặt kết quả giữa các vụ việc tương tự nếu được giải quyết trước các cơ quan tài phán khác nhau. Nhưng đây đều không phải là những vấn đề mới. Từ năm 1958 Tòa án Quốc tế đã giải quyết thực chất bảy vụ việc liên quan chủ yếu hay một phần đến luật biển,<sup>10</sup> trong cùng giai đoạn đó cũng có bảy phán quyết trọng tài quốc tế về cùng vấn đề trên.<sup>11</sup> Hầu hết các vụ việc này liên quan đến phân định biên giới trên biển

---

<sup>8</sup> Điều 287.

<sup>9</sup> Xem chi tiết ở Adede, op. cit. supra n. 4, tr. 53 et seq.; Sohn, op. cit. supra n. 5.

<sup>10</sup> *Vụ North Sea Continental Shelf Case* I.C.J.Rep. 1969, 3; *Vụ Fishery Jurisdiction Cases* I.C.J.Rep. 1974, 3 và 175; *Vụ Tunisia/Libya Continental Shelf Case* I.C.J.Rep. 1982, 18; *Vụ Gulf of Maine Case* I.C.J.Rep. 1984, 246; *Vụ Libya/Malta Continental Shelf Case* I.C.J.Rep. 1985, 13; *Vụ Land, Island and Maritime Frontier Case* I.C.J.Rep. 1992, 35; *Vụ Jan Mayen Case* I.C.J.Rep. 1993, 38.

<sup>11</sup> *Vụ Beagle Channel Arbitration* (1977) 521.I.L.R. 93; *Vụ Anglo-French Continental Shelf Arbitration* (1978) Cmnd.7438; *Vụ Sharjah/Dubai Boundary Arbitration* (1981) 91 I.L.R. 543; *Vụ Guinea/Guinea-Bissau Maritime Boundary Arbitration* (1985) 35 I.L.M. 251; *Vụ Franco-Canadian Fisheries Arbitration*

hoặc về đánh bắt cá. Khoa học pháp lý luật biển chắc chắn đã phát triển trong suốt giai đoạn này; có thể có tranh cãi về việc liệu rằng luật biển quốc tế đã được cải thiện nhưng chưa xuất hiện tình trạng phân tán đáng kể. Mặc dù quan điểm của các tòa án về các vấn đề như giải thích Điều 6 Công ước về Thềm lục địa hay bản chất pháp lý của thềm lục địa đã có sự thay đổi nhất định, chưa có xung đột rõ ràng nào giữa một bên là các phán quyết của Tòa án Quốc tế với một bên là phán quyết của các tòa trọng tài. Khoa học pháp lý có thể không là một mạng lưới liên mạch, nhưng tính chất tiếp nối của nó vượt trội hơn hẳn so với tính xung đột. Sẽ là thích đáng khi nhận định rằng sự cạnh tranh có thể giúp khoa học pháp lý phát triển và có tác động tốt đến các tiến trình pháp lý.<sup>12</sup>

Từ khía cạnh này, các quan ngại của Thẩm phán Oda về sự thống nhất của luật pháp quốc tế xuất phát từ việc phổ biến các cơ quan tài phán và từ cách tiếp cận "tùy chọn" trong việc lựa chọn hình thức giải quyết tranh chấp có vẻ như là một sự phóng đại. Hoàn toàn không chắc chắn khi cho rằng Tòa án Quốc tế sẽ không còn đóng vai trò chủ chốt trong việc giải quyết các tranh chấp luật biển, hoặc các vụ việc sẽ nhất thiết được đệ trình lên ITLOS hơn là lên trọng tài. Ở đây, rõ ràng là các thành viên UNCLOS 1982 có quyền lựa chọn thực chất về diễn đàn giải quyết tranh chấp giữa họ. Trong trường hợp số lượng vụ việc tăng đáng kể, và dẫn đến việc sử dụng đầy đủ bốn thủ tục bắt buộc trên, vấn đề về tính nhất quán và tiếp nối trong khoa học pháp lý luật biển mới có thể sẽ nảy sinh. Tuy nhiên, tại thời điểm hiện nay, các dạng khác của tình trạng phân tán – nổi bật là sự "cắt lát" các tranh chấp có vẻ có vấn đề hơn.

### ***C. Cách tiếp cận "theo lát cắt" các tranh chấp***

Vấn đề chúng ta vừa xem xét là việc cùng một loại tranh chấp có thể được đưa ra bốn cơ quan tài phán khác nhau, nhưng trong mọi trường hợp, kết quả cuối đều dẫn tới những phán quyết mang tính ràng buộc pháp lý đối với các bên tranh chấp. Bây giờ, chúng ta chuyển sang một vấn đề tinh vi và phức tạp hơn liên quan tới việc phải phân loại và chia các tranh chấp thành các loại khác nhau, trong đó một vài loại sẽ dẫn đến thủ tục giải quyết bắt buộc có tính ràng buộc, một vài loại khác sẽ không. Điều này gần như làm cho việc giải quyết một số tranh chấp – đặc biệt là giải quyết tranh chấp bắt buộc – khó khăn hơn nếu không nói là không thể. Các loại

---

(1986) 90 R.G.D.I.P. 151; *Vụ Guinea-Bissau/Senegal Maritime Delimitation Case* (1989) 83 I.L.R. 1; *Vụ St Pierre and Miquelon Arbitration* (1992) 95 I.L.R. 645.

<sup>12</sup> J. Charney, "The Implications of Expanding International Dispute Settlement Systems: The 1982 Convention on the Law of the Sea" (1996) 90 A.J.I.L. 69. Cf. Guillaume, op. cit. supra n. 1, tr. 861 – 862.



tranh chấp chúng ta quan tâm nhất ở đây là một số tranh chấp vùng đặc quyền kinh tế ("EEZ") nhất định, phân định biển, danh nghĩa lịch sử và các tranh chấp về đáy đại dương. Ngoại trừ các tranh chấp về đáy đại dương thì việc phân loại các tranh chấp trên không có cơ sở chức năng. Nói cách khác, các tranh chấp này không được giải quyết một cách khác biệt vì lý do tồn tại một số cách thức xử lý khác thích hợp hơn, mặc dù trong một vài trường hợp đúng là như vậy, mà bởi các tranh chấp này liên quan đến các vấn đề có tính nhạy cảm chính trị và liên quan đến nhiều quy định có cấu trúc mở và linh hoạt, ví dụ như việc phân định biển dựa trên các nguyên tắc công bằng. Sự ngần ngại của một số Quốc gia khi cam kết sẽ giải quyết tranh chấp có tính ràng buộc trong hầu hết các vụ việc thuộc loại này là khá lớn và có thể hiểu được, cụ thể như liên quan đến đánh bắt cá hay biên giới, tuy vậy nó đã làm tổn hại nghiêm trọng đến sự toàn vẹn chung của Công ước.

### *1. Các tranh chấp liên quan đến vùng EEZ*

Các tranh chấp này đại diện cho các vấn đề phức tạp nhất trong giải quyết tranh chấp. Tác động thực tế của Điều 297 Công ước là sự tồn tại cơ chế giải quyết bắt buộc và ràng buộc đối với các tranh chấp vùng EEZ liên quan đến vấn đề giao thông hàng hải hay bảo vệ môi trường, nhưng không tồn tại một cơ chế tương tự để giải quyết được các tranh chấp liên quan đến việc thực thi thẩm quyền của Quốc gia ven biển đối với hoạt động đánh bắt cá và nghiên cứu khoa học biển ở vùng EEZ. Vấn đề còn phức tạp hơn nữa khi một vài (nhưng không phải tất cả) tranh chấp nghề cá bị loại trừ khỏi cơ chế giải quyết tranh chấp bắt buộc có tính ràng buộc và sẽ được giải quyết thông qua thủ tục hòa giải bắt buộc nhưng không có tính ràng buộc. Cuối cùng, theo Điều 298 các Quốc gia có thể lựa chọn loại trừ khỏi cơ chế giải quyết tranh chấp bắt buộc một số tranh chấp liên quan đến hoạt động thực thi pháp luật trong vùng EEZ liên quan đến đánh bắt cá hay nghiên cứu khoa học.

Việc đưa các tranh chấp hàng hải và bảo vệ môi trường vào trong phạm vi của cơ chế giải quyết tranh chấp bắt buộc nhằm mục đích giới hạn các yêu sách của Quốc gia ven biển "mở rộng thẩm quyền" của mình đối với hoạt động hàng hải trong vùng EEZ, và sẽ gia cố sự cân bằng được thiết lập ở Phần V và XII theo hướng ưu tiên cho tự do hàng hải.<sup>13</sup> Nhưng việc đồng thời rất nhiều vấn đề quan trọng khác nằm ngoài phạm vi của cơ chế giải quyết tranh chấp bắt buộc này sẽ khiến cơ chế hầu như sẽ không có tác động đáng kể nào đối với các yêu sách vốn đã hạn chế của các Quốc gia trong việc đánh bắt cá và nghiên cứu khoa học trong vùng EEZ của nước khác. Các quyền cho các quốc gia khác được quy định trong

<sup>13</sup> Xem P. W. Birnie và A. E. Boyle, *International Law and the Environment* (1992), chương 7.

Điều 62, 69, 70 và 246 chỉ có thể được thực thi thông qua thỏa thuận và, trong trường hợp liên quan đến đánh bắt cá, chỉ dựa vào các quy định mang tính tùy nghi liên quan đến các quyết định chủ quan về bảo tồn, năng lực đánh bắt và tổng sản lượng đánh bắt được phép. Các quy định giải quyết tranh chấp ở vùng EEZ phản ánh thực tế là việc quản lý tài nguyên vùng EEZ phần lớn thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc gia ven biển,<sup>14</sup> điều này càng được củng cố bởi các quy định của Điều 297(2) và 197(3), theo đó ngăn cấm ủy ban hòa giải xem xét thẩm quyền quyết định của Quốc gia ven biển trong lĩnh vực nghiên cứu, hay thay thế thẩm quyền của Quốc gia ven biển bằng thẩm quyền của ủy ban trong các vấn đề đánh bắt cá.

Ngược lại, các tranh chấp về đánh bắt cá và nghiên cứu khoa học ở vùng biển cả hoàn toàn nằm trong các quy định của Công ước về giải quyết tranh chấp bắt buộc có tính ràng buộc. Do đó, liên quan đến đánh bắt cá, câu hỏi trọng tâm là liệu tranh chấp liên quan đến tự do biển cả hay quyền chủ quyền của Quốc gia ven biển trong vùng EEZ. Nhưng nếu tranh chấp liên quan đến cả hai thì sao? Hầu hết các tranh chấp đánh bắt cá khó giải quyết nảy sinh khi các nguồn cá vắt ngang qua một hay nhiều vùng EEZ, hay ngang qua vùng EEZ và vùng biển cả. Trường hợp này đã xảy ra trong tranh chấp giữa Canada và Tây Ban Nha ở vùng Tây Bắc Đại Tây Dương, và ở vùng biển Bắc Thái Bình Dương/Biển Bering.<sup>15</sup> Đối với hầu hết các tranh chấp thuộc dạng này, sẽ là vô nghĩa nếu tách biệt vấn đề đánh bắt cá ở biển cả khỏi vấn đề quản lý nguồn cá trong vùng EEZ liền kề. Việc đánh bắt cá quá mức hay quản lý kém trong một khu vực sẽ nhất thiết gây ra tác động đến khu vực khác. Điều này hiện hữu một cách rõ ràng trong tranh chấp giữa Canada và Tây Ban Nha. Trong khi Canada được cho là có lợi thế khi khiếu nại về hoạt động đánh bắt cá ở biển cả của Tây Ban Nha và các Quốc gia khác thuộc EU, và tranh chấp thuộc dạng đó sẽ nằm trong phạm vi thẩm quyền của cơ chế giải quyết tranh chấp bắt buộc, chính Canada đã thừa nhận rằng việc quản lý vùng EEZ của nước này đã gây ra tình trạng đánh bắt quá mức.<sup>16</sup> Tuy vậy khía cạnh này của tranh chấp có vẻ như không ảnh hưởng đến việc giải quyết tranh chấp bắt buộc theo Công ước. Hệ quả của điều này là các bên có hai lựa chọn:

<sup>14</sup> Xem Điều 55-75, 192-262; W.T. Burke, *The New International Law of Fisheries* (1994), tr. 59-80; B. Kwiatkowska, *The 200 Mile EEZ in the New Law of the Sea* (1989); D. Attard, *The Exclusive Economic Zone* (1987); F. Orrego-Vicuna, *The Exclusive Economic Zone* (1989).

<sup>15</sup> Xem E. Meltzer. "Global Overview of Straddling and Highly Migratory Fish Stocks: The Non-Sustainable Nature of High Seas Fisheries" (1994) 25 O.D.I.L. 255; Burke, *ibid*; G. Ulfstein, P. Andersen and R. Churchill, *The Regulation of Fisheries: Legal, Economic and Social Aspects* (1986).

<sup>16</sup> Xem P. Davies "The EC/Canadian Fisheries Dispute in the Northwest Atlantic" (1995) 44 I.C.L.Q. 927. Năm 1995 Canada và EC đã ký kết một Văn bản thỏa thuận về Bảo tồn và Quản lý Nguồn cá: xem (1995) 34 I.L.M. 1260.



- (1) Thỏa thuận một bản đề trình chung bao quát tất cả các vấn đề tranh chấp và nộp lên một cơ quan tài phán mà cả hai đồng ý lựa chọn;
- (2) Chỉ đề trình các vấn đề liên quan đến biện pháp giải quyết tranh chấp bắt buộc.

Điểm yếu của lựa chọn thứ nhất chính là yêu cầu phải có thỏa thuận giữa các bên, trong khi điểm yếu của lựa chọn thứ hai là việc lựa chọn này không giải quyết một cách trọn vẹn tranh chấp và chính vì lý do đó lựa chọn thứ hai gần như sẽ không giải quyết được tranh chấp. Đây có thể đơn giản chỉ là một biểu hiện khác cho thấy việc Công ước không xử lý thỏa đáng vấn đề đánh bắt cá, nhưng cách hiểu như vậy chẳng mang lại lợi ích gì cho (việc bảo tồn) những đàn cá. Hiệp định 1995 về Các đàn cá Lưỡng cư và Di cư Xa cũng không giải quyết được tình thế lưỡng nan này, do hiệp định này chủ yếu dẫn chiếu ngược lại các quy định về giải quyết tranh chấp trong Phần XV của UNCLOS.<sup>17</sup>

## *2. Các tranh chấp liên quan đến phân định biển*

Vấn đề ở đây cũng khá phức tạp. Các tranh chấp phân định biển về nguyên tắc thuộc phạm vi thẩm quyền của cơ chế giải quyết tranh chấp bắt buộc, thậm chí khi các tranh chấp này có liên quan đến tranh chấp chủ quyền đối với các đảo hay lãnh thổ đất liền khác. Tuy nhiên, Điều 298 cho phép các Quốc gia đưa ra tuyên bố loại trừ việc áp dụng một hoặc nhiều thủ tục trong bốn thủ tục giải quyết tranh chấp bắt buộc đối với các tranh chấp về phân định lãnh hải, vùng EEZ hay thềm lục địa hoặc các tranh chấp về danh nghĩa hay vịnh lịch sử. Khi quyền lựa chọn loại trừ này được sử dụng, nghĩa vụ phải đề trình tranh chấp lên cơ chế hòa giải không có tính ràng buộc sẽ phát sinh, trừ khi tranh chấp này tất yếu liên quan đến tranh chấp chủ quyền các đảo hay lãnh thổ đất liền, trong trường hợp đó, không tồn tại bất cứ thủ tục bắt buộc nào. Do đó vấn đề đầu tiên ở đây đơn giản là một số Quốc gia sẽ thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết tranh chấp bắt buộc đối với các tranh chấp phân định biển trong khi một số khác thì không, tuy vậy cũng phải thừa nhận rằng điều đó không phải là một điểm yếu nếu so sánh với tình trạng hiện tại của luật pháp quốc tế nói chung.

Vấn đề thứ hai nảy sinh từ việc kết hợp Điều 297 và 298. Ví dụ có một tranh chấp liên quan đến các yêu sách đối với vùng EEZ xung quanh một đảo hay đá đang có tranh chấp, như trường hợp của Rockall, và việc thực hiện thẩm quyền đánh bắt cá của một Quốc gia trong vùng EEZ này. Chúng ta sẽ phải phân loại tranh chấp này như thế nào? Liệu tranh chấp này có liên quan đến việc thực thi

---

<sup>17</sup> Điều 27 - 32. Điều 30 được tóm tắt ở chú thích số 24 phía trên. Điều 32 ghi nhận lại các ngoại lệ của cơ chế giải quyết tranh chấp bắt buộc giống với quy định của Điều 297(3) của Công ước.

quyền chủ quyền và quyền thực thi pháp luật trong vùng EEZ, và do đó bị loại trừ khỏi phạm vi của cơ chế giải quyết tranh chấp bắt buộc theo Điều 297 và 298? Hay đây là một tranh chấp về phân định biển liên quan đến việc giải thích hay áp dụng Điều 74 và do đó bị loại trừ khỏi cơ chế giải quyết tranh chấp bắt buộc có tính ràng buộc theo Điều 298 trong trường hợp một bên đã lựa chọn loại trừ theo Điều này? Liệu tranh chấp có tất yếu liên quan đến tranh chấp về mặt chủ quyền đối với lãnh thổ đất liền và do đó, thậm chí cả cơ chế hoà giải bắt buộc cũng bị loại trừ? Hay đây tất yếu là tranh chấp về các quyền đối với vùng EEZ theo Phần V và Điều 121(3) Công ước? Nếu tranh chấp thuộc loại cuối cùng, nó sẽ không bị loại trừ khỏi phạm vi thẩm quyền bắt buộc theo cả Điều 297 và Điều 298. Như vậy, kết cục của vụ việc sẽ phụ thuộc nhiều vào cách thức tranh chấp giả định trên được trình bày và đệ trình. Nếu tranh chấp là về việc lạm dụng thẩm quyền đánh bắt cá trong vùng EEZ thì tranh chấp chắc chắn sẽ bị loại trừ theo Điều 297. Nhưng nếu tranh chấp là về một yêu sách không hợp lý đối với vùng EEZ trái với Điều 121(3) thì có vẻ như tranh chấp sẽ không bị loại trừ. Tuy vậy giả sử tranh chấp được trình bày lại dưới hình thức một yêu sách rằng trên cơ sở công bằng thì đảo hay đá không nên được trao bất kỳ hiệu lực nào như một điểm cơ sở trong quá trình phân định biển theo Điều 74? Một cách tất yếu (*prima facie*) có vẻ như trường hợp này thuộc phạm vi của Điều 298(1). Với mục đích của phần này, chúng ta không cần thiết phải trả lời những câu hỏi trên, nhưng các câu hỏi này cũng đủ để cho thấy những gì diễn ra trên thực tế không phải tranh chấp liên quan đến vụ việc cụ thể nào mà là về cách thức các vấn đề được trình bày và đệ trình. Trình bày các vấn đề sai và vụ việc sẽ nằm ngoài phạm vi áp dụng của thẩm quyền giải quyết tranh chấp bắt buộc. Trình bày cùng một vụ việc theo một cách khác và nó sẽ nằm bên trong phạm vi đó. Những nhận định của Ngài Atkin về cách thức các hình thức của một hành vi được xâu chuỗi một cách hợp lý để đánh lừa những người không cẩn thận là đúng đắn.<sup>18</sup>

Vấn đề thứ ba liên quan đến ranh giới ngoài của các vùng biển thuộc thẩm quyền quốc gia. Giả sử như Canada và Pháp có tranh chấp về ranh giới thềm lục địa, giống như trong vụ *St Pierre and Miquelon Arbitration*. Hơn nữa giả sử tranh chấp giữa hai nước này mở rộng vượt quá 200 hải lý đến ranh giới ngoài của thềm lục địa địa chất tại nơi thềm lục địa giao với đáy đại dương. Mặc dù mỗi Quốc gia sẽ tự mình quyết định ranh giới ngoài của thềm lục địa của chính mình, Công ước yêu cầu quyết định này cần phải được đưa ra dựa trên các khuyến nghị của Ủy ban

---

<sup>18</sup> Vụ *United Australia Ltd v. Barclays Banks Ltd* [1941] A.C.1, 29: "Khi những bóng ma của quá khứ chắn ngang con đường công lý lớn tiếng về sự đáng kính của chúng thì cách xử lý dung dăng của một thẩm phán là bỏ qua chúng một cách kiên quyết."

Ranh giới Thềm lục địa.<sup>19</sup> Công ước quy định thêm rằng: “Hoạt động của Ủy ban sẽ không làm ảnh hưởng đến các vấn đề liên quan đến phân định ranh giới giữa các quốc gia có đường bờ biển đối diện hay liền kề nhau.”<sup>20</sup> Tác động chính xác của các quy định này hiện là vấn đề đang còn tranh cãi, nhưng vẫn tồn tại khả năng một Quốc gia đưa ra yêu sách thềm lục địa không phù hợp với quy định ở Điều 76 Công ước hay với các khuyến nghị của Ủy ban Ranh giới Thềm lục địa. Thêm nữa cũng có khả năng là một Quốc gia khác cũng yêu sách cùng một phần trong thềm lục địa trên là của mình. Vậy đây có phải là một tranh chấp phân định biển giữa hai Quốc gia nhiều khả năng thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết tranh chấp bắt buộc của một cơ quan tài phán theo Phần XV của Công ước trừ khi có một bên đã lựa chọn loại trừ theo Điều 298? Hay tranh chấp này là về ranh giới giữa thềm lục địa và đáy đại dương và liên quan giữa hai Quốc gia với cộng đồng quốc tế? Trong vụ *St Pierre and Miquelon Arbitration* tòa trọng tài đã từ chối phân định ranh giới trên biển giữa Canada và Pháp vượt quá 200 hải lý trên cơ sở là tòa trọng tài này không có thẩm quyền thực hiện việc phân định mà việc phân định đó sẽ ảnh hưởng đến quyền của một bên khác không có mặt trước tòa – cụ thể là cộng đồng quốc tế đại diện bởi ISBA<sup>21</sup> - và tòa trọng tài cũng tự giới hạn thẩm quyền chỉ giải quyết các vấn đề phân định biển song phương giữa hai Quốc gia trong vùng EEZ rộng 200 hải lý. Nhưng vấn đề ranh giới đáy đại dương bắt đầu từ đâu không phải là một câu hỏi trừu tượng: nó chỉ có thể được trả lời nếu quy chiếu đến ranh giới ngoài của thềm lục địa, mà ranh giới này lại được xác định trên các tiêu chí bao gồm cả khoảng cách từ Quốc gia ven biển. Câu hỏi khi đó sẽ là: Quốc gia ven biển nào? Chỉ khi cả hai Quốc gia đều có khả năng tranh chấp nhau thì việc phân định mới trả lời được câu hỏi trên. Do đó ranh giới nơi đáy đại dương bắt đầu có thể sẽ phụ thuộc trước tiên vào việc phân định thềm lục địa.<sup>22</sup> Do cả ISBA và Ủy ban Ranh giới Thềm lục địa đều không có bất kỳ thẩm quyền nào đối với việc phân định ranh giới giữa thềm lục địa và đáy đại dương, có vẻ như sẽ là sai lầm, tương tự như tòa trọng tài trong vụ *St Pierre and Miquelon Arbitration*, khi cho rằng có đến ba bên liên quan trong

<sup>19</sup> Điều 76(8) và Phụ lục II, Điều 7.

<sup>20</sup> Phụ lục II, Điều 9. Xem thêm Điều 76(10) và Điều 134(4). “Cụm từ ‘các vấn đề liên quan đến phân định biển’ nhấn mạnh rằng Ủy ban sẽ không có chức năng xác định hay ảnh hưởng đến quá trình đàm phán về ranh giới thềm lục địa giữa các quốc gia đối với các khu vực có yêu sách chồng lấn... Điều này cũng chỉ rõ rằng Ủy ban sẽ không can dự vào bất kỳ vấn đề nào liên quan đến việc xác định ranh giới ngoài của thềm lục địa của quốc gia ven biển khi ranh giới này đang là tranh chấp với một nước khác. Vai trò của Ủy ban là đưa ra các khuyến nghị về ranh giới ngoài của thềm lục địa, chứ không liên quan đến các vấn đề phân định biển giữa các quốc gia”: M. Nordquist (Ed.), UNCLoS 1982 Commentary, Vol. II (1993), tr. 1017.

<sup>21</sup> (1992) 95 I.L.R. 645, đoạn 75-82.

<sup>22</sup> Có thể xem các phân tích vấn đề này trong D. M. McRae, “The Single Maritime Boundary: Problems in Theory and Practice”, in trong E. D. Brown và R. Churchill (Eds), *The UN Convention on the Law of the Sea: Impact and Implementation* (1987), tr. 225.

các tranh chấp thuộc loại này. Nhưng nếu thực sự có ba bên liên quan, vậy ai sẽ có thẩm quyền đối với ba bên đó? ISBA không thể là một bên trong tiến trình giải quyết tranh chấp bắt buộc trước Tòa án Quốc tế hay tòa ITLOS theo quy định ở Phần XV và cũng không thể can thiệp vào các tiến trình như thế bất kể diễn ra ở cơ quan tài phán nào, bởi vì cơ quan này không phải là một Quốc gia. Giống như các Quốc gia, ISBA có thể là một bên trong một vụ việc thuộc phạm vi thẩm quyền bắt buộc của Viện Giải quyết Tranh chấp liên quan đến đáy biển, nhưng Viện này không có thẩm quyền quyết định vấn đề phân định biển hay xác định ranh giới ngoài của thềm lục địa, bởi vì cả hai vấn đề này đều không liên quan đến việc giải thích hay áp dụng Phần XI.<sup>23</sup> Tối đa thì Viện có thể được yêu cầu đưa ra ý kiến tư vấn theo Điều 191 về các khía cạnh tranh chấp thuộc phạm vi hoạt động của Cơ quan Quyền lực đáy đại dương. Như vậy nếu xem vụ việc liên quan đến ba bên thì không có khả năng thuộc thẩm quyền giải quyết tranh chấp bắt buộc: mọi khía cạnh của sự việc chỉ có thể được giải quyết một cách trọn vẹn khi có sự đồng thuận của tất cả các bên đối với thẩm quyền của tòa trọng tài hoặc tòa ITLOS.

#### ***D. Thẩm quyền bắt buộc và thẩm quyền theo thỏa thuận: Thực tiễn của UNCLOS***

Từ những phân tích trên, có thể thấy thực tế áp dụng UNCLOS minh chứng các quy định của Công ước về giải quyết tranh chấp bắt buộc có tính ràng buộc không thực sự xuất sắc và toàn diện như ấn tượng ban đầu. Các lĩnh vực trong đó cam kết giải quyết tranh chấp bắt buộc thể hiện rõ ràng nhất là tự do hàng hải và bảo vệ môi trường biển. Vấn đề tự do hàng hải phù hợp với quy chế chung của Công ước về các lợi ích hàng hải và các hoạt động vận động hành lang mạnh mẽ của các cường quốc hàng hải. Vấn đề bảo vệ môi trường biển vẫn còn mới mẻ thậm chí đối với cả các điều ước về môi trường tham vọng nhất, trong đó cơ chế hòa giải bắt buộc thường là mức cam kết cao nhất mà các bên có thể đưa ra. Tuy nhiên, nguyên nhân chính cho việc tồn tại một cơ chế có tính ràng buộc cao như trong Công ước, một lần nữa, là nhu cầu bảo vệ hoạt động hàng hải tránh khỏi sự can thiệp quá mức của các Quốc gia ven biển, trên cơ sở bảo vệ môi trường, do đó sự phát triển này có lẽ cũng không quá mới mẻ như nó thể hiện.

Ở các vấn đề khác, đặc biệt là các vấn đề nhiều tranh chấp đã phát sinh – như đánh bắt cá và phân định biển – chúng ta có thể thấy rằng tình trạng phân tán

<sup>23</sup> Điều 187. Tuy nhiên, có thể lập luận rằng ISBA sẽ có thẩm quyền đệ trình một vụ việc theo Điều 187(b)(i) trên cơ sở rằng một yêu sách thềm lục địa đã vi phạm Điều 137 Phần XI khi không tuân thủ các quy định ở Điều 76.

do cách tiếp cận “theo lát cắt” các vấn đề chỉ để lại một lớp vỏ rỗng chỉ có thể được lấp đầy nếu có sự đồng thuận của các bên đệ trình tranh chấp lên bất kỳ cơ quan tài phán nào mà các bên lựa chọn. Điều này không có nghĩa là sẽ không có bất kỳ vụ việc nào liên quan đến Công ước trước các cơ quan tài phán quốc tế - cho đến hiện nay tất cả các vụ việc trước trọng tài và hầu hết các vụ việc trước Tòa án Quốc tế liên quan đến luật biển đều được đệ trình trên cơ sở đồng thuận của các bên, chứ không phải trên cơ sở thẩm quyền giải quyết tranh chấp bắt buộc. Thay vào đó, tình trạng này nhắc nhở chúng ta không nên phóng đại tầm quan trọng của thẩm quyền tài phán bắt buộc trong giải quyết tranh chấp theo phương thức tư pháp. Tuy vậy nó cũng chỉ ra mức độ phân tán hơn trong các hình thức thẩm quyền bắt buộc và theo thỏa thuận. Hệ quả của tình trạng này có thể được thấy rõ ràng khi chúng ta xem xét tòa ITLOS.

### **3. Tòa án Quốc tế về Luật Biển**

#### ***A. Thẩm quyền trên cơ sở đồng thuận của ITLOS***

Do thẩm quyền bắt buộc hạn chế và rất ít khả năng xảy ra tranh chấp liên quan đến khai thác khoáng sản ở đáy biển, một số nhà phê bình, bao gồm cả thẩm phán Guillaume và Oda đều cho rằng Tòa sẽ không có nhiều việc để làm. Tuy nhiên, cần phải nhớ rằng, mặc dù mục đích chính của Tòa Luật Biển là thực hiện thẩm quyền bắt buộc đối với các vấn đề liên quan đến giải thích và áp dụng Công ước 1982 và các thỏa thuận liên quan khác,<sup>24</sup> Tòa ITLOS không chỉ giới hạn trong việc quyết định các vấn đề đó. Bởi vì Tòa cũng sở hữu thẩm quyền dựa trên cơ sở đồng thuận, vẫn tồn tại khả năng Tòa cũng có thể thụ lý các vấn đề khác. Liệu thẩm quyền dựa trên cơ sở đồng thuận này mở rộng đến đâu vẫn đang là vấn đề tranh cãi và chỉ có thể được Tòa trả lời qua thực tiễn. Điều 21 Quy chế của Tòa chỉ quy định: “Thẩm quyền của Tòa bao gồm tất cả các tranh chấp và tất cả các hồ sơ đệ trình lên Tòa tuân thủ Công ước này và tất cả các vấn đề được trừ định rõ trong bất kỳ thỏa thuận nào khác trao thẩm quyền cho Tòa.” Hiểu theo nghĩa rộng, điều này có thể được dùng làm cơ sở cho thẩm quyền dựa trên cơ sở đồng thuận, dù là theo các

---

<sup>24</sup> Các thỏa thuận liên quan trao thẩm quyền bắt buộc cho Tòa bao gồm Hiệp định 1995 về các Đàn cá Lưỡng cư và Di cư xa, trong đó Điều 30 quy định việc áp dụng tùy vào hoàn cảnh Phần XV của Công ước đối với các tranh chấp liên quan đến giải thích và áp dụng Hiệp định, hay bất kỳ thỏa thuận nghề cá quốc tế, khu vực và tiểu khu vực liên quan đến các đàn cá lưỡng cư và di cư xa; và Hiệp định 1994 về Thực hiện Phần XI của UNCLOS 1982, trong đó Điều 2 quy định Công ước và Hiệp định này sẽ được xem như là một văn kiện duy nhất, và do đó sẽ bao gồm thủ tục giải quyết tranh chấp ở Phần XI. Mục 6 và 8 của Hiệp định cũng có quy định tương tự với các vấn đề liên quan đến các mục này.

thỏa thuận khác, hay theo thỏa thuận tạm thời (*ad hoc*) của các bên tranh chấp, nhưng rộng đến mức nào phụ thuộc vào việc trong số các cách giải thích hợp lý có thể đưa ra, cách giải thích nào được ưu tiên chọn lựa.

### 1. UNCTOS và các tranh chấp liên quan

Điều 21 của Quy chế chắc chắn đủ làm cơ sở cho các bên tranh chấp đệ trình bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến Công ước 1982 và các thỏa thuận liên quan lên Tòa, bao gồm các tranh chấp có phạm vi hoàn toàn hay một phần nằm ngoài các quy định về thẩm quyền bắt buộc. Kết luận này được nhấn mạnh hơn bởi Điều 280 quy định quyền tự do của các bên trong việc thỏa thuận vào bất kỳ thời điểm nào giải quyết một tranh chấp liên quan đến Công ước bằng bất cứ biện pháp hoà bình nào tùy thuộc vào lựa chọn của các bên tranh chấp đó, và Điều 299 quy định việc bảo lưu quyền của các bên trong việc thỏa thuận đệ trình lên thủ tục giải quyết tranh chấp của Công ước các vấn đề bị loại trừ ra khỏi thẩm quyền bắt buộc theo Điều 297 hay 298. Như chúng ta đã thấy, trên thực tế, hoàn toàn có khả năng các tranh chấp liên quan đến đánh bắt cá hay biên giới biển sẽ phải được hoặc sẽ được giải quyết một cách thoả đáng hơn thông qua thoả thuận trước ITLOS hay một diễn đàn khác hơn là theo thẩm quyền bắt buộc, do vấn đề “cắt lát tranh chấp” (“salami-slicing”) như được nhắc đến ở trên. Hơn nữa, Điều 22 Phụ lục VI cũng cho phép các bên của các điều ước đã có hiệu lực liên quan đến vấn đề do Công ước điều chỉnh có thể đệ trình các tranh chấp phát sinh theo các điều ước đó lên Tòa thông qua thoả thuận. Các điều ước này bao gồm Công ước London về ngăn ngừa ô nhiễm biển do thải chất thải và vấn đề khác 1972 (London Dumping Convention) và Công ước về ngăn ngừa ô nhiễm biển do tàu biển gây ra 1973/78 (MARPOL Convention). Cả Hiệp định về Bảo tồn và Quản lý các Đàn cá Lưỡng cư và Di cư xa của Liên Hợp Quốc năm 1995 (1995 Fishing Agreement) và Hiệp định về việc Tuân thủ của các Tàu cá 1993 (1993 Agreement on Compliance by Fishing Vessels) cũng cho phép các bên thông qua thoả thuận đệ trình các tranh chấp lên ITLOS, Tòa án Quốc tế hay trọng tài.<sup>25</sup>

### 2. Các vụ việc liên quan đến Luật Biển

Phạm vi thẩm quyền dựa trên cơ sở đồng thuận của Tòa dường như cũng đủ rộng để bao hàm cả các tranh chấp liên quan đến luật biển do luật tập quán hơn là Công ước điều chỉnh. Mặc dù Tòa được yêu cầu theo điều 293 áp dụng Công ước và các quy định khác của luật quốc tế không vi phạm Công ước, trừ phi các bên đồng ý

<sup>25</sup> Điều 9 của Hiệp định 1993 về Thúc đẩy sự Tuân thủ của Tàu thuyền đối với các Biện pháp quốc tế bảo tồn và quản lý ở Biển cả quy định các bên tranh chấp phải đệ trình tranh chấp đó ra ITLOS, Tòa án Quốc tế hoặc trọng tài thông qua thoả thuận. Khả năng đệ trình thông qua thoả thuận theo Hiệp định về các Đàn cá Lưỡng cư có thể được ngầm định tại Điều 27 – 32 của Hiệp định đó.



rằng vụ việc có thể được giải quyết dựa trên nguyên tắc công bằng (*ex aequo et bono*), quy định này chỉ áp dụng trong trường hợp Toà có thẩm quyền bắt buộc và không quyết định luật áp dụng trong trường hợp Toà có thẩm quyền dựa trên cơ sở đồng thuận. Đối với trọng tài và Toà án Quốc tế, các bên đã sẵn có quyền tự do đáng kể trong việc lựa chọn luật áp dụng và không có lý do gì các bên lại không có quyền tự do tương tự trong trường hợp các tranh chấp đệ trình lên Toà thông qua thoả thuận của các bên. Hay cũng không thể lập luận rằng các thẩm phán của Toà thiếu chuyên môn cần thiết để quyết định các tranh chấp dựa trên luật tập quán. Do vậy, không có lý do rõ ràng nào Toà không nên đóng vai trò như một toà chuyên trách xử lý tất cả các vụ việc liên quan đến luật biển, nếu đó là điều các bên tranh chấp mong muốn.

### 3. Các tranh chấp liên quan đến luật quốc tế nói chung

Liệu Toà có thể thực hiện nhiều hơn nữa? Liệu Toà có thẩm quyền quyết định các vấn đề không liên quan đến luật biển? Mặc dù có thể lập luận rằng mục Toà chưa bao giờ được thiết lập để trở thành một toà có thẩm quyền chung, Công ước cũng không quy định nhiều về việc giới hạn thẩm quyền dựa trên cơ chế đồng thuận của Toà chỉ đối với các vụ việc liên quan đến luật biển. Đúng là Điều 288 giới hạn thẩm quyền bắt buộc của Toà đối với các vụ việc liên quan đến việc giải thích và áp dụng Công ước, hoặc bất kỳ thoả thuận quốc tế nào liên quan đến mục đích của Công ước” nhưng không có giới hạn tương tự nào được quy định trong Quy chế của Toà (Phụ lục VI). Ở đó, như chúng ta thấy, ngoài các vấn đề được quy định trong Công ước, Điều 21 trao thẩm quyền cho Toà đối với tất cả các vấn đề được quy định trong “bất kỳ thoả thuận nào khác”. Hệ quả của sự khác biệt trong cách thể hiện văn bản đó là một “thoả thuận” không cần phải là một điều ước hay cần phải liên quan đến mục đích của Công ước. Hơn nữa, ngay cả đối với các vụ việc mà Toà có thẩm quyền bắt buộc, Toà có lẽ phải quyết định các vấn đề của luật quốc tế nói chung không liên quan đến luật biển, và Điều 293(1) cho phép điều này.<sup>26</sup> Và cũng không hề có sự phân chia rõ ràng nào giữa một vụ việc liên quan đến luật biển và các loại tranh chấp khác. Trong một số trường hợp, phân định ranh giới biển nếu cần thiết có thể yêu cầu phán quyết liên quan đến tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, ví dụ như khi một đảo được sử dụng làm điểm cơ sở cho yêu sách về EEZ hay thềm lục địa. Trong khi các bên của Công ước thực sự có quyền lựa chọn loại trừ các tranh chấp ra khỏi thẩm quyền bắt buộc theo Điều 298(1), hệ quả sẽ là, khi quyền lựa chọn đó không được viện dẫn, một toà, bao gồm cả ITLOS, nếu cần thiết có thể

<sup>26</sup> “Một toà có thẩm quyền theo mục này sẽ áp dụng Công ước này và các quy tắc khác của luật quốc tế không vi phạm với Công ước này.”

xử cả tranh chấp biển và lãnh thổ. Nếu tình huống này xảy ra đối với các vụ việc Toà có thẩm quyền bắt buộc, không có lý do gì khả năng tương tự không thể xảy ra trong các tranh chấp Toà có thẩm quyền dựa trên cơ sở đồng thuận, khi mà các bên cũng mong muốn cả tranh chấp về biên giới lãnh thổ và biển được quyết định trong cùng một tranh chấp như trong vụ *Land, Island and Maritime Frontier Case* hay vụ *Trọng tài Dubai-Sharjah*. Nếu các bên có thể làm như vậy trước Toà án Quốc tế hay trọng tài, tại sao các bên lại không thể có khả năng sử dụng ITLOS thay thế? Do đó, quan điểm rộng nhất về thẩm quyền dựa trên cơ sở đồng thuận của Toà đó là Toà có thể quyết định bất kỳ vụ việc nào được các bên tranh chấp đệ trình, bất kể có liên quan đến vấn đề luật biển hay không.

Cũng cần phải nhấn mạnh rằng không có quy định nào trong Quy chế của Toà ngăn cản thẩm quyền của Toà phát triển theo hướng này, hay khái niệm khả năng thụ lý của Toà cũng không tạo ra bất kỳ giới hạn nào về loại hình tranh chấp Toà có thể xử. Mặc dù có thể lập luận rằng việc cho phép Toà có thẩm quyền quyết định các vụ việc liên quan đến luật quốc tế nói chung là cho phép việc lấn át sang thẩm quyền của Toà án Quốc tế với tư cách là cơ quan tư pháp chính của Liên Hợp Quốc, hệ quả của mối quan hệ thứ bậc giữa hai toà không hề được nhắc lại rõ ràng trong Công ước. Một lần nữa cần phải đặt ra câu hỏi: nếu các bên của tranh chấp đó muốn đưa ra ITLOS hơn là Toà án Quốc tế, vì sao các bên không được phép làm như vậy? Như vậy, tồn tại khả năng để ITLOS trở thành một đối thủ cạnh tranh thực sự với Toà án Quốc tế, không chỉ trong các vụ việc liên quan đến luật biển, mà còn trong các vụ việc chung hơn. Chỉ bởi vì có lẽ sẽ không có tranh chấp liên quan đến khai thác khoáng sản ở đáy biển, hay không có các vụ việc thuộc thẩm quyền bắt buộc của Toà không có nghĩa là Toà không có việc để làm. Như vậy, cần thiết phải xem xét yếu tố nào có thể ảnh hưởng đến lựa chọn diễn đàn tư pháp của các bên tranh chấp, và cụ thể, vì sao các bên có thể ưu tiên ITLOS?

### ***B. Vì sao Lựa chọn ITLOS?***

Có 3 yếu tố chính có thể ảnh hưởng đến lựa chọn giữa ITLOS và Toà án Quốc tế. Rõ ràng nhất, thành phần các thẩm phán của ITLOS khác với Toà án Quốc tế. Các thẩm phán phải có "chuyên môn được công nhận trong lĩnh vực luật biển."<sup>27</sup> Các thẩm phán này do đó có thể có chuyên môn tốt hơn đối với lĩnh vực đó hơn một số thẩm phán của Toà án Quốc tế; tương tự, một số thẩm phán của ITLOS có thể có ít chuyên môn hơn với tư cách là các luật sư luật quốc tế nói chung, nhưng cả hai

<sup>27</sup> Phụ lục VI, Điều 2.

điểm đều phụ thuộc vào thẩm phán nào được bầu vào toà nào. Rõ ràng rằng từ lần bầu cử đầu tiên của Toà ITLOS được tổ chức tháng 8/1996, yếu tố địa lý trong việc xác định tư cách thành viên của Toà và số lượng các thẩm phán lớn hơn đã giúp các nước đang phát triển chiếm ưu thế hơn so với vị trí của nhóm nước này tại Toà án Quốc tế.<sup>28</sup> Sự khác biệt trong thành phần có thể tác động đến quan điểm của Toà và kết quả xét xử các vụ việc, nhưng khả năng này hiện tại chỉ mang tính dự đoán. Nhận xét về các kết quả khác nhau có lẽ không phản ánh chính xác ảnh hưởng của các thẩm phán từ các nước đang phát triển trong thành phần của Toà án Quốc tế hiện hành cũng như sự quan tâm nói chung của Toà đối với lợi ích của các Quốc gia đang phát triển.

Yếu tố có thể so sánh thứ hai liên quan đến vấn đề thủ tục, nhưng ở đây các ưu điểm của ITLOS thậm chí còn đáng ngờ hơn. Trong rất nhiều khía cạnh kể cả thẩm quyền được tham gia vào các viện khác nhau, cho phép can thiệp của bên thứ ba, và yêu cầu biện pháp bảo vệ tạm thời, thủ tục tại ITLOS khá tương tự với Toà án Quốc tế.<sup>29</sup> Phán quyết của Toà ràng buộc với cách thức tương tự như Toà án Quốc tế,<sup>30</sup> nhưng không được thực thi theo Điều 94(2) của Hiến chương Liên Hợp Quốc. Khả năng Toà có thể xử nhiều hơn nữa các vụ việc và xét xử nhanh hơn khả năng mà Toà án quốc tế có thể làm cho đến bây giờ một lần nữa cũng chỉ mang tính suy đoán, vì còn phụ thuộc hoàn toàn vào cách thức Toà tổ chức hoạt động và các nguồn lực hiện có. Với 21 thẩm phán đều làm việc bán thời gian, trừ Chánh án, có lẽ sẽ không dễ dàng để Toà có thể xét xử vụ việc nhanh chóng hơn Toà án Quốc tế do các thẩm phán ở đây làm việc toàn thời gian.

Thứ ba, trong các vụ việc dựa trên thẩm quyền đồng thuận, khả năng tiếp cận đối với Toà lớn hơn là đối với Toà án Quốc tế do ở Toà án Quốc tế, các vụ tranh chấp chỉ có thể liên quan đến các quốc gia, các tổ chức quốc tế chỉ là đối tượng của vấn đề giám sát tư pháp trong các vụ việc cho ý kiến tư vấn mà các tổ chức đó trực tiếp yêu cầu lên Toà, hoặc gián tiếp liên quan trong các vụ việc giữa các quốc gia.<sup>31</sup> Khả năng tiếp cận có lẽ là sự khác biệt đáng kể nhất giữa Toà án Quốc tế và ITLOS:

<sup>28</sup> Phụ lục VI, Điều 2(2) quy định chế độ đại diện của các hệ thống luật chủ yếu và đại diện công bằng về mặt địa lý. Tại phiên bầu cử lần đầu tiên, kết quả cuối cùng là 5 ghế được phân bổ cho Châu Phi, 5 cho Châu Á, 4 cho Châu Mỹ Latin và Caribe, 4 cho Tây Âu và các nước khác, và 3 cho Đông Âu. Các thẩm phán trúng cử năm 1996 là: Akl (Lebanon), Anderson (Anh), Caminos (Argentina), Eiriksson (Iceland), Engo (Cameroon), Kolodkin (Nga), Laing (Belize), Marotta (Brazil), Marsil (Tunisia), Mensah (Ghana), N'Diaye (Senegal), Nelson (Grenada), Park (South Korea), Rao (India), Treves (Italy), Vukas (Croatia), Warioba (Tanzania), Wolfrum (Đức), Yamamoto (Nhật Bản), Yankov (Bulgaria), Zhao (Trung Quốc).

<sup>29</sup> Điều 290 và Phụ lục VI, Điều 15,25,31,32.

<sup>30</sup> Phụ lục VI, Điều 33.

<sup>31</sup> Quy chế Toà án Quốc tế, Điều 34.

chính xác hơn là ai có quyền kiện ra Toà là một vấn đề đang còn gây tranh cãi, tuy nhiên được xem xét như dưới đây.

Những so sánh này thực sự cho thấy trong các vụ tranh chấp, ITLOS sở hữu một số ưu thế hơn so với Toà án Quốc tế; rõ ràng nhất là trong trường hợp các bên tranh chấp không phải là quốc gia, Toà án Quốc tế không thể là một lựa chọn. Trong các trường hợp khác, các lợi ích, nếu có, sẽ chỉ trở nên rõ ràng sau khi Toà đã bắt đầu đi vào hoạt động.

### ***C. Khả năng tiếp cận đối với ITLOS: vấn đề thẩm quyền đối với chủ thể tranh chấp (ratione personae)***

Như Ngài Robert Jennings đã nhận xét ở một bài viết khác,<sup>32</sup> thẩm quyền đối với chủ thể tranh chấp hạn chế của Toà án Quốc tế phản ánh khái niệm về việc tham gia vào hệ thống pháp luật quốc tế đã 75 năm tuổi, ngày càng lỗi thời và đã không còn phù hợp với xã hội quốc tế đương thời. Các toà quốc tế khác, bao gồm các toà nhân quyền,<sup>33</sup> tranh chấp đầu tư và thương mại,<sup>34</sup> khiếu kiện quốc tế,<sup>35</sup> hay Cộng đồng Châu Âu đã ban hành các quy tắc rộng hơn về quyền tiếp cận và cho phép sự tham gia của các chủ thể tư nhân và các tổ chức quốc tế, nếu cần. Tương tự như vậy đối với Toà Quốc tế về Luật Biển, mặc dù ở đây quy định phức tạp hơn và câu trả lời cho câu hỏi ai có thể tham gia vào quá trình xét xử trước Toà là khác nhau tùy vào hoàn cảnh. Ba nhóm tranh chấp cần phải được phân biệt rõ.

#### *1. Các tranh chấp trước Viện giải quyết tranh chấp liên quan đến đáy biển theo Phần XI*

Như chúng ta đã thấy, việc trao cho Viện giải quyết tranh chấp liên quan đến đáy biển thẩm quyền bắt buộc đối với một loạt các thực thể có khả năng liên quan đến các tranh chấp theo Phần XI của Công ước như các quốc gia, công ty quốc gia, các bên hợp đồng tư nhân tham gia vào khai thác khoáng sản ở đáy biển, và ISBA đã được chứng minh là cần thiết.<sup>36</sup>

#### *2. Các tranh chấp trước một toà theo phần XV*

<sup>32</sup> R. Y. Jennings, "The ICJ After 50 Years" (1995) 89 A J.I.L. 493.

<sup>33</sup> Công ước Châu Âu về Nhân quyền và các Quyền Tự do, Điều 25; Công ước Châu Mỹ về Nhân quyền, Điều 44.

<sup>34</sup> Công ước 1965 về Giải quyết các tranh chấp Đầu tư giữa các Quốc gia và Công dân của các Quốc gia khác.

<sup>35</sup> Xem D. Caron, "The Nature of the Iran-US Claims Tribunal and the Evolving Structure of International Dispute Resolution" (1990) 84 A.J.I.L. 104; W. Mapp, "The Iran-US Claims Tribunal" (1993); J. Crook, "The UN Claims Commission" (1993) 87 A.J.I.L. 144 and 1992 UN Claims Commission Report (1992) 311.L.M. 1018.

<sup>36</sup> Xem Điều 187.

Không giống như Phần XI, thủ tục quy định tại Phần XV chỉ mở cho các quốc gia thành viên như quy định tại điều 291, nhưng cần lưu ý rằng thuật ngữ "các quốc gia thành viên", như được sử dụng xuyên suốt Công ước, được định nghĩa rộng hơn ở Điều 1(2)(2).<sup>37</sup> Ngoài các quốc gia, định nghĩa này cũng bao gồm các quốc gia liên kết tự trị và các vùng lãnh thổ được quyền tham gia Công ước theo Điều 305, và các tổ chức quốc tế có thể tham gia vào Công ước theo Phụ lục IX, chủ yếu là Cộng đồng Châu Âu. Tất cả các thực thể này do đó có quyền là một bên trong các vụ kiện trước ITLOS, hay trọng tài. Đối với Cộng đồng Châu Âu, đây là một lợi thế lớn bởi vì ngay cả theo quy định của Công ước, Cộng đồng Châu Âu vẫn không thể tham gia vào các vụ kiện trước Tòa án Quốc tế.<sup>38</sup>

### 3. Các tranh chấp trước ITLOS theo các thoả thuận khác

Điều 20(2) Phụ lục VI quy định:

Toà án được đề nghị cho các thực thể không phải là các Quốc gia Thành viên trong tất cả các trường hợp đã được quy định rõ trong Phần XI hay cho *bất kỳ tranh chấp nào được đưa ra theo bất kỳ thoả thuận khác*, trao thẩm quyền cho Toà và *được tất cả các bên trong vụ tranh chấp đó chấp thuận* [tác giả nhấn mạnh].

Đáng kể nhất, và không như quy định tại Điều 291, quy định này không hạn chế quyền tiếp cận đối với chỉ các quốc gia thành viên. Khi được sử dụng tại Điều 20 của Phụ lục, thuật ngữ "thực thể" cũng không được định nghĩa bằng cách chỉ dẫn chiếu đến các thực thể liệt kê theo Điều 187 của Phần XI, như trong trường hợp được sử dụng tại Điều 37 của Phụ lục (liên quan đến quyền tiếp cận đối với Viện giải quyết tranh chấp liên quan đến đáy biển).

Hơn nữa, tương tự Điều 21 của Phụ lục,<sup>39</sup> Điều 20(2) sử dụng thuật ngữ "thoả thuận" mà không quy định gì thêm cho thấy không chỉ thoả thuận đó không nhất thiết phải là một điều ước, mà các bên của thoả thuận không nhất thiết phải có năng lực ký kết điều ước. Điều này tạo cơ sở cho lập luận ITLOS có thể đề nghị cho sự tham gia của một số lượng lớn các bên tranh chấp, bao gồm các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ và các thực thể khác không phải là quốc gia, hay các thực thể mà địa vị pháp lý quốc tế chưa được xác định rõ ràng, như Đài Loan. Thực vậy, không có lý do gì mà các thực thể đánh cá thuộc phạm vi áp dụng của Hiệp định 1995 về các đàn cá lưỡng cư và di cư xa,<sup>40</sup> lại không thuộc phạm vi điều chỉnh của Điều 20(2). Phân tích Điều 20 theo hướng này cho thấy tiếp cận đối với Toà

<sup>37</sup> Xem thêm Điều 1(2) của Hiệp định 1995 về các Đàn cá Lưỡng cư và Di cư Xa.

<sup>38</sup> Xem Phụ lục IX, Điều 7.

<sup>39</sup> Xem Phần III.A.3.

<sup>40</sup> Điều 1(3).

trong các vụ việc Toà có thẩm quyền không bắt buộc trước tiên là một vấn đề mà các bên tranh chấp cần phải xác định; không như Toà án Quốc tế, miễn là các bên có thể thoả thuận trao thẩm quyền cho Toà, Toà sẽ có thẩm quyền cần thiết để xử bất kể vấn đề gì mà các bên lựa chọn đưa ra trước Toà.

Có thể có nhiều quan điểm khác nhau về vấn đề liệu đây là một cách giải thích gượng ép của Phụ lục VI hay liệu cách giải thích đó có phù hợp với ý định của các nhà soạn thảo Công ước hay không. Nhưng khá hợp lý nếu cho phép Toà chấp nhận xử các vụ việc mà các bên tranh chấp muốn Toà xét xử, ngay cả nếu các bên tranh chấp đó không phải là các quốc gia. Điều này đã được cho phép ở hình thức trọng tài,<sup>41</sup> và các toà quốc tế khác.

Xét thấy Toà án Quốc tế không thể xử các tranh chấp đó nếu không sửa đổi Quy chế, và điều này có vẻ khó có thể thực hiện sớm được mặc dù khá được kỳ vọng về mặt lý thuyết, đây có thể là một lợi thế cho Toà do dễ dàng tiếp cận hơn. Thật vậy, trong các vụ việc liên quan đến "các thực thể" như Đài Loan, lợi thế về việc tiếp cận dễ hơn là rõ ràng do điều này sẽ tạo điều kiện cho phép Đài Loan, và các thực thể đang tranh chấp khác có thể tham gia vào vụ kiện trước một cơ quan tài phán quốc tế mà không cần phải giải quyết vấn đề địa vị quốc gia hay địa vị pháp lý, và cũng không nhất thiết phải có sự công nhận ngầm nào từ phía bên tranh chấp còn lại.

Ngược lại, khó có thể thấy được lợi ích gì từ việc giới hạn thẩm quyền nói chung của Toà với một quan điểm lạc hậu về sự tham gia vào hệ thống luật pháp quốc tế. Cũng không hề hợp lý nếu lập luận rằng định nghĩa hẹp về khả năng tiếp cận đối với Toà là cần thiết nhằm phù hợp với mục đích của Công ước; ngược lại, như chúng ta thấy ngay từ đầu bài viết, một quan điểm mang tính bao hàm về sự tham gia vào quá trình tư pháp sẽ giúp giảm nguy cơ phân tán và duy trì tính thống nhất của luật quốc tế. Từ khía cạnh này, thẩm quyền hẹp đối với chủ thể tranh chấp của Toà án Quốc tế có lẽ làm tăng nguy cơ phân tán hơn là việc phổ biến hệ thống các toà án khác.

#### **4. Kết luận**

Rõ ràng rằng các quốc gia có quyền tự do lựa chọn diễn đàn giải quyết các tranh chấp phát sinh theo Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982, và rằng việc

---

<sup>41</sup> Thậm chí các tổ chức phi chính phủ có thể là bên tranh chấp với các quốc gia trong trọng tài quốc tế: xem vụ Rainbow Warrior Arbitration (Greenpeace v. France). Xem chi tiết tại C. Gray and B. Kingsbury, "Developments in Dispute Settlement: Inter-State Arbitration Since 1945" (1992) 63 B.Y.I.L. 104, ghi chú 39.



thành lập ra Toà Quốc tế về Luật Biển đã mở rộng hơn nữa sự lựa chọn về giải quyết tranh chấp trong luật quốc tế nói chung, không chỉ cho các Quốc gia mà còn cho các thực thể khác nữa. Vẫn còn quá sớm để đánh giá việc cạnh tranh giữa các toà quốc tế khác nhau sẽ thúc đẩy việc giải quyết tranh chấp đến mức độ nào, và liệu điều này sẽ làm phân tán hoặc hệ thống luật biển quốc tế thực định hoặc luật quốc tế nói chung. Mặc dù tồn tại nguy cơ trong việc phổ biến các toà quốc tế, chứng cứ hiện nay cho thấy việc lựa chọn diễn đàn sẽ mang lại nhiều lợi ích hơn là bất lợi.

Cũng rõ ràng rằng mặc dù ở một số khía cạnh, sự thống nhất của UNCLOS 1982 với tư cách là bộ quy tắc toàn cầu về luật biển ở một mức độ nào đó được bảo vệ bởi các quy định về giải quyết tranh chấp, các ngoại lệ của nguyên tắc chung của thẩm quyền bắt buộc đã dẫn đến việc phân tán về mặt thủ tục là không thể tránh khỏi và trên thực tế sẽ dẫn đến việc tập trung hơn vào giải quyết tranh chấp thông qua đồng thuận hơn là bắt buộc. Trong hầu hết các tranh chấp phát sinh theo Công ước, tình huống trên thực tế do đó không có nhiều khác biệt so với những gì đang được phân tích. Những ai phải tư vấn cho các chính phủ về việc giải quyết các tranh chấp biển phức tạp do Công ước 1982 điều chỉnh do đó sẽ thấy rằng cần phải có một mức độ khéo léo nhất định để thiết kế một vụ việc sao cho vụ việc đó rơi vào một trong các hình thức thẩm quyền bắt buộc mang tính ràng buộc.

---

## **GIỚI THIỆU DỰ ÁN *NGHIENCUUQUOCTE.NET***

---

### **Mục đích**

*Nghiencuuquocte.net* là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

### **Lý do ra đời**

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quảng đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

### **Hoạt động chính**

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Các bài dịch học thuật của Dự án được đăng tại chuyên mục [Biên dịch](#). Danh mục rút gọn của các bài dịch này được đăng trên trang [Mục lục](#).

Từ tháng 6/2014, Dự án còn xuất bản chuyên mục [Bình luận](#) để đăng các bài bình luận tiêu biểu của các tác giả Việt Nam hoặc dịch từ các nguồn tiếng Anh uy tín về các vấn đề quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại Việt Nam. Ngoài ra, Dự án cũng ra mắt chuyên mục [Ấn phẩm](#) để chia sẻ các bài viết nghiên cứu về quan hệ quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng Anh với sự cho phép của các tác giả liên quan.

Trang chủ dự án: <http://nghiencuuquocte.net/>

Thông tin thêm về Dự án: <http://nghiencuuquocte.net/about/>

Danh mục các bài đã xuất bản: <http://nghiencuuquocte.net/muc-luc/>

Theo dõi Dự án trên Facebook: <https://www.facebook.com/DAnghiencuuquocte>

Ý kiến đóng góp và mọi liên hệ xin gửi về: Lê Hồng Hiệp, [nghiencuuquocte@gmail.com](mailto:nghiencuuquocte@gmail.com)

---